

R

**BỘ NỘI VỤ**  
**HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA**

## **ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP BỘ**

**TÌM HƯỚNG TRIỂN KHAI DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ  
CÔNG NGHỆ VỀ HÀNH CHÍNH Ở NƯỚC TA**

**Chủ nhiệm : PGS.TS. Lê Thanh Bình**

**Thư ký : CN. Đặng Thanh Mai**

**Thành viên tham gia:**

**CN. Hồ Thị Minh**

**CN. Đoàn Văn Dũng**

**CN. Phùng Thị Phong Lan**

**CN. Trần Thị Cẩm Hồng**

**CN. Phùng Thanh Liêm**

**CN. Hoàng Vĩnh Giang**

**HÀ NỘI 2006**

7200

18/3/09

# MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN- THỰC TIỄN ĐỂ TRIỂN KHAI, PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VỀ HÀNH CHÍNH</b> .....	4
1. Khái niệm về Dịch vụ khoa học và công nghệ về hành chính .....	4
2. Cơ sở lý luận của việc hình thành và phát triển dịch vụ khoa học và công nghệ về hành chính.....	9
3. Cơ sở thực tiễn của việc hình thành và phát triển dịch vụ khoa học và công nghệ về hành chính ở tầm vĩ mô và phạm vi Học viện HCQG.....	12
3.1 <i>Thực trạng của nền hành chính Việt Nam – một yêu cầu tất yếu của công cuộc cải cách nền hành chính Quốc gia</i> .....	12
3.2 <i>Cơ sở pháp lý của việc hình thành và phát triển dịch vụ khoa học và công nghệ về hành chính</i> .....	14
3.3 <i>Về thực trạng của khoa học và công nghệ ở Việt Nam hiện nay – cơ sở cho việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào trong dịch vụ khoa học về hành chính</i> 18	
3.4. <i>Học viện HCQG- Trung tâm quốc gia đào tạo cán bộ, công chức- một cơ sở nhiều tiềm năng tiến hành dịch vụ KHCN chung và KHCN về HC</i> .....	20
<b>CHƯƠNG 2. THỊ TRƯỜNG DỊCH VỤ KHCN VỀ HC, CÁC KHẢO SÁT BƯỚC ĐẦU (PHÂN TÍCH MỘT LOẠI HÌNH DỊCH VỤ) LIÊN QUAN CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG TẠI HỌC VIỆN HCQG</b> .....	21
1. Hình thành thị trường và cơ chế để triển khai hoạt động dịch vụ KHCN về hành chính có hiệu quả.....	21
1.1. <i>Thị trường dịch vụ khoa học và công nghệ về hành chính</i> .....	21
1.2. <i>Cơ chế để thị trường dịch vụ khoa học công nghệ về hành chính hoạt động</i> ..	22
2. Các yếu tố cung, cầu trong thị trường dịch vụ KHCN về hành chính.....	24
2.1. <i>Yếu tố “cung” trong thị trường dịch vụ khoa học và công nghệ về hành chính</i> .....	24
2.2. <i>Yếu tố “cầu” trong thị trường dịch vụ khoa học và công nghệ về hành chính</i> ....	26
3. Những bất cập, thách thức, khó khăn khi triển khai dịch vụ KHCN về hành chính .....	28
4. Sự cần thiết và có thể XHH các hoạt động dịch vụ KHCN về hành chính .....	30

5. Khảo sát bước đầu về nhu cầu thị trường mở lớp bồi dưỡng ngắn hạn cho địa phương- một loại hình dịch vụ KHCN về hành chính cần được triển khai .....	33
6. Vài nét về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của Học viện HCQG.....	36
6.1. Ưu điểm.....	36
6.2. Nhược điểm.....	40

**CHƯƠNG 3. CÁC HƯỚNG, GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI, THÚC ĐẨY DỊCH VỤ KHCN VỀ HC NHẪM GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG TẠI HỌC VIỆN HCQG.....**

1. Các giải pháp có tính pháp lý.....	43
1.1. Các giải pháp mang tính pháp lý chung cho hoạt động khoa học và công nghệ, làm cơ sở thúc đẩy các hoạt động dịch vụ trong đó có dịch vụ KHCN về HC .....	43
1.2. Các giải pháp pháp lý áp dụng đối với Học viện Hành chính Quốc gia .....	47
2. Các giải pháp về tổ chức .....	49
3. Các giải pháp hoàn thiện phương tiện dịch vụ Khoa học Công nghệ phục vụ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Học viện Hành chính Quốc gia .....	53
3.1. Giải pháp 1: Nâng cao chất lượng nội dung, chương trình, giáo trình của các đối tượng do Học viện Hành chính Quốc gia chịu trách nhiệm Đào tạo - Bồi dưỡng ...	54
3.2. Giải pháp 2: đảm bảo cung cấp phương tiện phục vụ cho việc đào tạo bồi dưỡng của Học viện Hành chính Quốc gia.....	57
3.3. Giải pháp 3: Ứng dụng tin học và hệ thống quản lý chất lượng đào tạo bồi dưỡng (ISO 9000).....	59
4. Nhóm giải pháp nâng cao năng lực, sử dụng tốt nguồn nhân lực .....	60
4.1. Thứ nhất, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân lực .....	60
4.2. Thứ hai, có kế hoạch, lộ trình sử dụng người làm dịch vụ khoa học và công nghệ.....	61
4.3. Thứ ba, cần quy hoạch thế hệ kế cận.....	62
4.4. Thứ tư, cần có chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài.....	63
4.5. Thứ năm, cần áp dụng hệ thống quản lý chất lượng quản lý người làm dịch vụ khoa học và công nghệ .....	63
5. Nhóm giải pháp lồng ghép: gắn kết dịch vụ khoa học công nghệ về hành chính với hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo bồi dưỡng, hội thảo, hội nghị, thỉnh giảng, khảo sát .....	64

5.1. Gắn kết dịch vụ khoa học và công nghệ về hành chính với nghiên cứu khoa học hành chính.....	64
5.2. Việc gắn kết giữa dịch vụ khoa học và công nghệ về hành chính với giáo dục đào tạo cán bộ, công chức .....	66
5.3. Gắn kết dịch vụ khoa học công nghệ hành chính với tổ chức hội thảo, hội nghị .....	68
5.4. Gắn kết dịch vụ khoa học công nghệ hành chính với hoạt động thỉnh giảng .....	69
5.5. Gắn kết dịch vụ khoa học công nghệ hành chính với khảo sát trong và ngoài nước.....	70
6. Nhóm giải pháp liên doanh, liên kết.....	71
7. Nhóm giải pháp khác .....	80
7.1. Nội dung tiêu chí và chuẩn mực đánh giá kết quả việc triển khai dịch vụ khoa học và công nghệ hành chính.....	81
7.2. Quy trình đánh giá chất lượng dịch vụ khoa học và công nghệ hành chính....	85
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH.....</b>	<b>87</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>88</b>
- Bài 1: Các doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong trường đại học ở nhật bản: đại học và công nghiệp- từ hợp tác đến hội nhập.....	88
- Bài 2: Quản lý nghiên cứu và phát triển trong trường đại học như doanh nghiệp- trường hợp đại học leuven.....	100
- Bài 3: Truyền thông quảng cáo đối với dịch vụ thông tin, tư vấn, đào tạo - một loại hình quan trọng trong dịch vụ khoa học - công nghệ .....	107
- Bài 4. Báo cáo tóm tắt về kết quả mở lớp "Bồi dưỡng kỹ năng hành chính" cho đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức nhà nước của tỉnh Quảng Trị.....	113
- Phụ lục 5: Công văn Marketing mở lớp bồi dưỡng kỹ năng của Học viện HCQG (Viện NCKHHC) và công văn đề nghị của địa phương.....	118

# MỞ ĐẦU

## 1. Lý do, mục tiêu, phương pháp nghiên cứu đề tài:

Trong thực tiễn đời sống xã hội nước ta, hiện nay hoạt động dịch vụ về các lĩnh vực, các khâu rất đa dạng, ngày càng phát triển, phù hợp với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển- hội nhập của quốc gia. Trong các loại dịch vụ thì dịch vụ khoa học, công nghệ (viết tắt là DVKHCN) nói chung, DVKHCN về một lĩnh vực cụ thể như hành chính chẳng hạn có vai trò quan trọng trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước và nhất là khi công cuộc Cải cách hành chính Việt Nam đang ngày càng đi vào chiều sâu, chú ý đến tính toàn diện và gắn kết hữu cơ với lĩnh vực đào tạo cán bộ, công chức.

Cho đến nay, các phạm trù, thuật ngữ về DVKHCN vẫn được nhiều hội thảo, nhiều nơi bàn luận, nhưng trên thực tế đã xuất hiện các loại hình DVKHCN; mặt khác, chủ trương của nhà nước là hoạt động khoa học công nghệ (kể cả DVKHCN) phải ngày càng gắn với sản xuất, kinh doanh, hiệu quả kinh tế- xã hội, tránh quan liêu bao cấp, hình thức, lãng phí. Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tại Học viện chuyên ngành lớn nhất về quản lý HCNN ở Việt Nam thì vấn đề gắn kết nhuần nhuyễn giữa học và hành, giữa áp dụng kiến thức vào các hoạt động quản lý, dịch vụ công có ý nghĩa cấp thiết, bức xúc. Giải quyết, trả lời được câu hỏi: Tìm hướng triển khai DVKHCN về hành chính trước hết là ở Trung tâm quốc gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức- Học viện HCQG và các cơ sở liên quan chính là nhiệm vụ mà đề tài đặt ra.

Cho đến nay, đã có một số đề tài, chương trình nghiên cứu liên quan ít nhiều đến đề tài nhưng không trùng lặp. Ví dụ: Đề tài nhánh cấp Bộ “Đổi mới cơ chế QLNN về khoa học công nghệ”, Chủ nhiệm là GS. TS. Bùi Thế Vĩnh, Thư ký: TS. Lê Thanh Bình (Bộ NV nghiệm thu năm 2003); đề tài cấp Bộ “Quản lý dịch vụ tư vấn và công ích trong nền kinh tế thị trường” (Chủ nhiệm: TS. Võ Kim Sơn, Thư ký: Th.S. Mai Lan Hương, bảo vệ năm 2001 tại Học viện HCQG); đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu đề xuất hệ thống các chuyên đề bồi dưỡng ngắn hạn về kiến thức, kỹ năng hành chính và QLNN” (Chủ nhiệm: PGS. TS. Nguyễn Hữu Hải, Thư ký: Th.S. Lê Văn Hòa, bảo vệ năm 2005 tại Học viện HCQG). Về sách, các cuốn sau có đôi phần đề cập sơ qua về dịch vụ KHCN như: “Quản lý khoa học và công nghệ”, TS. Nguyễn Sĩ Lộc- chủ biên, NXB

Khoa học và Kỹ thuật, H. 1997; “Kinh tế đối ngoại trong bối cảnh toàn cầu hóa” (Xem phần “*Hợp tác quốc tế và chuyển giao khoa học và công nghệ*”) của TS. Lê Thanh Bình, NXB Chính trị quốc gia, H. 2002 và một số sách báo, tài liệu khác...

Trên thực tế, dịch vụ KHCN về hành chính sẽ phát triển trở nên thông dụng một khi kinh tế thị trường, xã hội dân sự và cải cách hành chính nhà nước ngày càng tiến bộ, văn minh, hiện đại. Dịch vụ KHCN về hành chính sẽ đáp ứng nhu cầu xã hội- trước hết là khu vực công theo hướng tăng sự cạnh tranh để nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý, tính chuyên nghiệp của đội ngũ công chức hành chính, quản lý nói chung và những cán bộ công chức trong lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo về quản lý hành chính nói riêng. Về lâu dài, việc nghiên cứu, triển khai các dịch vụ KHCN về hành chính nếu gắn với xét trên góc độ đào tạo bồi dưỡng công chức tại các cơ sở khi làm tốt, có lộ trình, bài bản (Có thể tham chiếu, phát huy tốt tại Học viện HCQG và các cơ sở đào tạo khác có liên quan) và sẽ hướng tới những mục tiêu:

Tăng cường hiệu quả (các khoa, phòng ban sẽ làm quen với các hoạt động đấu thầu, cạnh tranh, góp phần giảm các chi phí trong đơn vị mình...); Tạo điều kiện mọi giảng viên, công chức năng động hơn, có khả năng thích ứng và linh hoạt hơn; Triển khai các dịch vụ KHCN tốt, tự nó và môi trường dịch vụ sẽ đem lại các dịch vụ tốt hơn, đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn của Bộ, ngành và thị trường ngày một cao hơn; Góp phần thúc đẩy cải cách hành chính, gắn kết tốt giữa lý luận với thực tế, chuyên nghiệp hóa cán bộ, giảng viên; mở rộng dân chủ, liên thông chặt chẽ giữa các đơn vị Học viện, nêu cao tính trách nhiệm, hiệu quả công tác; Phục vụ- làm dịch vụ được nhiều lần cho nhiều đối tượng học viên đối với các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và góp phần xây dựng các thương hiệu nhỏ các đơn vị trong Học viện nói chung và thương hiệu lớn của Học viện HCQ nói riêng.

Nhóm đề tài chọn đề tài này bởi 3 lý do: 1) Nhu cầu xã hội đối với DVKHCN về HC; Khả năng Học viện HCQG và ngành dọc; 3) Lãnh đạo Học viện có chủ trương thực hiện tốt nhiệm vụ Bộ giao và nâng cao khả năng phục vụ của giảng viên/ nghiên cứu viên..

Phạm vi chính của đề tài nhằm: Góp phần nâng cao năng lực giảng viên/ nghiên cứu viên; Giúp họ tiếp cận với thực tiễn, đơn hàng của xã hội và thị trường.

Để nghiên cứu đề tài, nhóm đề tài đã tiếp cận khảo sát thực tế, tổ chức Hội thảo khoa học, trao đổi trực tiếp với những nơi có tiềm năng thị trường dịch vụ KHCN về

hành chính, tập hợp tư liệu, tổng kết thực tiễn với các phương pháp phân tích, tổng hợp, nghiên cứu so sánh, phương pháp chuyên gia và phương pháp dự báo...

## **2. Kết quả nội dung nghiên cứu đề tài:**

Đề tài được kết cấu thành các chương như sau:

Chương 1. Cơ sở lý luận- thực tiễn để triển khai, phát triển dịch vụ KHCN về hành chính;

Chương 2. Thị trường dịch vụ KHCN về hành chính, các khảo sát bước đầu đối với nó (Phân tích loại hình Dịch vụ) liên quan công tác đào tạo bồi dưỡng ở Học viện HCQG

Chương 3. Các hướng, giải pháp triển khai dịch vụ KHCN về HC, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức quốc gia- Học viện HCQG.

Ngoài ra, có 5 phụ lục để tham khảo (Nhóm đề tài chỉ đưa vào trong báo cáo đầy đủ):

- 2 phụ lục nói về kinh nghiệm lập các doanh nghiệp chuyên làm dịch vụ KHCN và nghiên cứu phát triển trực thuộc cơ sở đào tạo- công ty Mẹ (Doanh nghiệp dịch vụ KHCN của các đại học Nhật Bản và của riêng đại học Leuven- vương quốc Bỉ);

- 1 phụ lục phân tích kinh nghiệm quảng cáo marketing dịch vụ tư vấn, đào tạo thời hiện đại;

- 1 phụ lục là bản báo cáo về đợt đi khảo sát tìm hiểu thị trường dịch vụ KHCN về hành chính tại 3 tỉnh miền Trung Việt Nam; Phụ lục cuối gồm công văn chiêu thị của Viện NCKHHC và tất cả công văn đề nghị đào tạo kỹ năng từ địa phương.

# **CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN - THỰC TIỄN ĐỂ TRIỂN KHAI, PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VỀ HÀNH CHÍNH**

Trước hết về lý luận, nhóm đề tài xin tổng hợp lại các khái niệm mà các Hội thảo ở trong, ngoài Học viện có đề cập nhằm định vị, chốt lại, nhằm thống nhất quan niệm để tập trung giải quyết các vấn đề tiếp theo của đề tài.

## **1. Khái niệm về Dịch vụ khoa học và công nghệ về hành chính**

Dịch vụ khoa học và công nghệ về hành chính là một khái niệm chuyên ngành mới, được ra đời trong công cuộc cải cách hành chính ở nước ta trong những năm gần đây. Vì vậy, cho đến nay, trong khoa học lý luận hành chính thì khái niệm này chưa được hiểu và sử dụng một cách chính thống, nhất quán. Tuy nhiên, qua nghiên cứu, có thể tìm thấy sự tương đối thống nhất về cách hiểu của khái niệm này với hai nội dung cơ bản trong nội hàm của nó, bao gồm dịch vụ hành chính và yếu tố khoa học, công nghệ trong dịch vụ hành chính đó. Nguyên nhân cốt yếu nhất dẫn đến sự chưa thống nhất về cách hiểu ở đây chính là về quan niệm dịch vụ hành chính.

Một số nước trên thế giới, cho rằng dịch vụ hành chính nếu hiểu theo phạm vi rộng, là những dịch vụ được cung cấp bởi các chủ thể có thẩm quyền (có thể là cơ quan quản lý nhà nước hoặc các chủ thể khác được pháp luật trao quyền) khi thực hiện hoạt động quản lý nhà nước và được thu phí từ hoạt động đó. Nếu hiểu theo phạm vi hẹp, dịch vụ hành chính được coi là dịch vụ hành chính công. Quan điểm này tồn tại phổ biến ở các nước mà pháp luật được chia thành hai ngành luật độc lập, gồm luật công và luật tư. Luật công là hệ thống pháp luật điều chỉnh những mối quan hệ thể hiện tính công quyền như các luật về tổ chức ... ; luật tư là hệ thống pháp luật điều chỉnh những mối quan hệ giữa các tổ chức, cá nhân đơn thuần, không có sự hiện diện của quyền lực Nhà nước ở đó như Luật dân sự, lao động ... Nhờ có sự tách bạch rõ ràng này mà Nhà nước có cơ sở để cung cấp dịch vụ cho các bên có nhu cầu khi tham gia quan hệ hành chính và thực hiện việc thu phí. Ví dụ như các dịch vụ về đăng ký khai sinh, khai tử, đăng ký kết hôn, đăng ký kinh doanh, thiết lập thuê bao điện thoại, xuất cảnh, nhập cảnh ....

Ở một số nước khác, không có sự tách bạch một cách rõ ràng giữa luật công và luật tư, Nhà nước là chủ thể duy nhất, độc quyền thực hiện nhiệm vụ “quản lý nhà



nước” thì dịch vụ hành chính dường như là một khái niệm lạ lẫm và chứa đựng tính phi lý của nó. Theo quan điểm này, Nhà nước là tổ chức mà xét cho đến cùng là do nhân dân lập ra bằng cách trực tiếp hoặc gián tiếp để đại diện cho nhân dân thực hiện quyền quản lý đất nước, quản lý xã hội. Ngân sách hoạt động của Nhà nước là của nhân dân đóng góp thông qua nhiều nguồn mà chủ yếu vẫn là từ thuế; cán bộ, công chức Nhà nước thực hiện công việc của mình theo sự phân công và được hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước như là một sự “trả công” của nhân dân khi thực hiện công việc đó. Vì vậy, Nhà nước tất yếu phải phục vụ nhân dân và không có lẽ nào Nhà nước lại dùng chính quyền lực của nhân dân trao cho để đặt ra các dịch vụ và thu phí từ dịch vụ đó.

Một quan điểm thứ ba, mà theo nhóm đề tài có thể lý giải một cách tương đối hợp lý về vấn đề này. Đó là Nhà nước thực hiện chức năng quản lý xã hội của mình thông qua hệ thống các cơ quan hành chính và đội ngũ cán bộ, công chức theo từng lĩnh vực và chuyên ngành cụ thể; qua đó, thiết lập sẵn một hệ thống các công việc (dịch vụ) nhất định phục vụ cho tất cả người dân. Để duy trì sự sẵn sàng và thường xuyên của các hệ thống dịch vụ này, Nhà nước sử dụng nguồn kinh phí chủ yếu là từ ngân sách nhà nước do nhân dân đóng góp để chi trả cho cơ quan và đội ngũ cán bộ, công chức. Tức là người dân “trả chi phí” để Nhà nước duy trì sự sẵn sàng của các dịch vụ đó và như vậy mọi người dân đều có quyền hưởng lợi như nhau từ các dịch vụ đó và có nghĩa vụ đóng góp là tương đương nhau. Nhưng thực tế thì không phải mọi người dân đều sử dụng đến tất cả các dịch vụ đó. Dịch vụ chỉ thật sự có ý nghĩa khi một người dân có nhu cầu sử dụng một dịch vụ bất kỳ trong số những dịch vụ mà Nhà nước đã xây dựng sẵn. Lúc này, người dân đó đã được hưởng phần lợi ích lớn hơn những người dân khác và để đảm bảo công bằng thì tất yếu họ phải trả một khoản chi phí nhất định cho hưởng phần lợi ích hơn này. Khoản chi phí này không thể được hiểu là người dân trả công cho Nhà nước khi Nhà nước thực hiện công việc cho mình mà phải được hiểu đó là sự bảo đảm công bằng giữa người dân với nhau. Nhà nước sẽ sử dụng khoản chi phí trên để tiếp tục đầu tư trở lại làm hoàn thiện hoặc mở rộng hơn nữa các dịch vụ khác, phục vụ người dân, qua đó thực hiện tốt chức năng của mình trước nhân dân.

Ở Việt Nam hiện nay, dịch vụ công và dịch vụ hành chính nói chung cũng như dịch vụ hành chính công nói riêng là một vấn đề cũng còn khá mới mẻ. Về mặt lý luận, những khái niệm, thuật ngữ này chưa thật sự được chấp nhận sử dụng một cách phổ biến. Theo quan điểm của Giáo trình Luật hành chính của một số trường đào tạo, “đôi

tượng điều chỉnh của Luật hành chính là những quan hệ xã hội nảy sinh trong hoạt động quản lý hành chính, được quy phạm pháp luật điều chỉnh. Những nhóm quan hệ mang tính chấp hành và điều hành quan trọng nhất” (Xem Giáo trình quản lý hành chính nhà nước Tập 1, Học viện hành chính Quốc gia; Tr 255, XB năm 1999). Các quan hệ này có đặc trưng nổi bật đó là tính chấp hành và điều hành; với đặc trưng đó, chúng được chia thành các nhóm: quan hệ trong nội bộ các cơ quan nhà nước; quan hệ giữa các cơ quan nhà nước với nhau và quan hệ giữa cơ quan nhà nước với cơ quan, tổ chức, cá nhân. Về mặt nguyên tắc, *dịch vụ hành chính công* phát sinh trong nhóm quan hệ thứ ba, tức là quan hệ giữa cơ quan nhà nước với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. Gần đây, trong các bài viết và trong các văn bản pháp luật, thuật ngữ “dịch vụ công” dần được chấp nhận và sử dụng ngày càng phổ biến hơn như Luật Giao dịch điện tử<sup>1</sup>, Quyết định số 222/2005/QĐ -TTg ngày 15/09/2005 về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2006-2010<sup>2</sup>.

Như vậy, về mặt lý luận và pháp lý nói chung, dịch vụ công được hiểu là những dịch vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp cho những người có nhu cầu trong một mối quan hệ nhất định. Tuy nhiên, để hiểu chính xác và sử dụng thống nhất thuật ngữ “dịch vụ khoa học và công nghệ về hành chính”, chúng ta tìm hiểu bản chất của nó thông qua tìm hiểu khái niệm của từng cụm từ tạo thành thuật ngữ này.

Thuật ngữ “hành chính” có gốc từ tiếng Latinh “administratio” là quản lý, lãnh đạo<sup>3</sup>; theo gốc Hán – Việt, là sự thi hành những chính sách, pháp luật của Chính phủ<sup>4</sup>; theo từ điển Tiếng Việt, là “*thuộc phạm vi chỉ đạo, quản lý việc chấp hành luật pháp, chính sách của Nhà nước*”<sup>5</sup>.

Theo từ điển Tiếng Việt, “dịch vụ” được hiểu “là công việc phục vụ trực tiếp cho những nhu cầu nhất định của số đông, có tổ chức và được trả công”; “khoa học” là “*hệ thống tri thức tích lũy trong quá trình lịch sử và được thực tiễn chứng minh,*

---

<sup>1</sup> Khoản 3 Điều 6 Luật Giao dịch điện tử quy định: “3. Hỗ trợ đối với giao dịch điện tử trong dịch vụ công.”; Khoản 7 Điều 40 Luật Giao dịch điện tử quy định: “7. Việc cung cấp dịch vụ công của cơ quan nhà nước dưới hình thức điện tử được xác lập trên cơ sở quy định của cơ quan đã nhưng không được trái với quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.”

<sup>2</sup> “Đến năm 2010, các cơ quan Chính phủ phải đưa hết các dịch vụ công lên mạng, trong đó ưu tiên các dịch vụ: thuế điện tử, hải quan điện tử, các thủ tục xuất nhập khẩu điện tử, thủ tục liên quan tới đầu tư và đăng ký kinh doanh điện tử, các loại giấy phép thương mại chuyên ngành, thủ tục giải quyết tranh chấp.”

<sup>3</sup> PTS Nguyễn Cửu Việt, “Giáo trình Luật hành chính Việt Nam”, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 1997, tr 6.

<sup>4</sup> Đào Duy Anh, Giải yếu Hán – Việt từ điển (quyển thượng), Nxb Minh tân, Paris, 1950, tr 346.

<sup>5</sup> Từ điển Tiếng Việt, Viện Ngôn ngữ học, Nxb Đà Nẵng năm 2000, tr 422.